

Bản án số: **02/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 02-4-2024

V/v: “*Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung*”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHÁNH SƠN, TỈNH KHÁNH HÒA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hoàng Đạt

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Nguyễn Tất Hương
- Bà Mẫu Thị Mộng Mơ

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Quang Thế Anh là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hòa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hòa** tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Thường - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hòa. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2023/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 12 năm 2023, về “*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1986 (*Có mặt*);

Nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã S, huyện K, tỉnh Khánh Hòa.

Chỗ ở hiện nay: Thôn T, thị trấn T, huyện K, tỉnh Khánh Hòa.

*Bị đơn:* Anh Lê Minh T, sinh năm 1977 (*có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*);

Nơi cư trú: Thôn T, xã S, huyện K, tỉnh Khánh Hòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/12/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Thị Hồng N trình bày: Chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Lê Minh T đã tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2000 nhưng đến năm 2006 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N (nay là thị xã N), tỉnh Khánh Hòa và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 16, quyền số 01/2006, ngày 08/5/2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một

khoảng thời gian đầu. Đến năm 2021, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do anh T lúc nào cũng say sưa, chửi mắng vợ con, thậm chí đuổi mẹ con chị N ra khỏi nhà nên chị N đã thuê nhà ra ở riêng tại thôn T, thị trấn T, huyện K để sinh sống từ năm 2021 cho đến nay. Đồng thời, chị N và anh T đã cố gắng hòa giải nhưng anh T không thay đổi, mặc dù chị N đã cho anh T nhiều cơ hội để sửa chữa. Nay, chị N không thể chấp nhận được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị N được ly hôn anh T.

- Về con chung: Chị N và anh T có 03 (ba) con chung là Lê Tú Cẩm L, sinh ngày: 12/02/2003; Lê Anh V, sinh ngày: 23/02/2004 và Lê Anh T1, sinh ngày: 10/03/2017. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T1 và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu T1. Đối với Lê Tú Cẩm L và Lê Anh V đã trưởng thành và đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên chị N không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị N và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

*Trong đơn trình bày ý kiến đề ngày 14/03/2024, bị đơn anh Lê Minh T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh T đồng ý với lời trình bày của chị N về quá trình chung sống, nơi đăng ký và thời điểm kết hôn. Trong thời gian chung sống, anh T thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn như chị N trình bày. Nay, chị N yêu cầu ly hôn thì anh T đồng ý.

- Về con chung: Anh T đồng ý việc chị N trình bày giữa anh chị có 03(ba) con chung là Lê Tú Cẩm L, sinh ngày: 12/02/2003; Lê Anh V, sinh ngày: 23/02/2004 và Lê Anh T1, sinh ngày: 10/03/2017. Khi ly hôn, anh đồng ý giao cháu T1 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và không cấp dưỡng nuôi cháu T1 theo yêu cầu chị N. Đối với Lê Tú Cẩm L và Lê Anh V đã trưởng thành và đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên anh T đồng ý với ý kiến chị N là không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị N và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có

*Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:*

*Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn Nguyễn Thị Hồng N cung cấp:*

- Giấy chứng nhận kết hôn (*bản chính*);
- Giấy khai sinh mang tên Lê Tú Cẩm L, Lê Anh V (*bản sao*);
- Trích lục khai sinh mang tên Lê Anh T1 (*bản sao*);
- Căn cước công dân có tên Nguyễn Thị Hồng N (*bản sao*);

*Tài liệu chứng cứ do bị đơn Lê Minh T cung cấp:*

- Đơn trình bày ý kiến đề ngày 14/3/2024 (*bản chính*);
- Đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 19/3/2024 (*bản chính*);

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khánh Sơn phát biểu như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi nhận đơn, thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử mở phiên toà. Tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình đề xuất Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho chị Nguyễn Thị Hồng N được ly hôn với anh Lê Minh T; Về con chung: Chị N và anh T có 03 con chung là Lê Tú Cẩm L, sinh ngày: 12/02/2003; Lê Anh V, sinh ngày: 23/02/2004 và Lê Anh T1, sinh ngày: 10/03/2017. Căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị N và anh T là giao con chưa thành niên là cháu T1 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với Lê Tú Cẩm L và Lê Anh V đã thành niên và đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu xem xét; Về tài sản chung, không xem xét; Về nợ chung, không có; Về án phí, chị N phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về thủ tục tố tụng, quan hệ pháp luật:

[1.1]. Ngày 14/3/2024, anh Lê Minh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy, yêu cầu của anh T là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên chấp nhận.

[1.2]. Chị Nguyễn Thị Hồng N khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh Lê Minh T, hiện cư trú tại thôn T, xã S, huyện K, tỉnh Khánh Hòa. Căn cứ theo Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hòa.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Lê Minh T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2000 nhưng đến năm 2006 mới đăng ký kết hôn, được UBND xã N, huyện N (nay là thị xã N), tỉnh Khánh Hòa cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 16, quyền số 01/2006, ngày 08/5/2006. Do đó, hôn nhân giữa chị N và anh T là hôn nhân hợp pháp theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Chị N yêu cầu ly hôn anh T vì trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh T lúc nào cũng say sưa, chửi mắng vợ con, thậm chí đuổi mẹ con chị N ra khỏi nhà nên chị N đã thuê nhà ra ở riêng tại thôn T, thị trấn T, huyện K để sinh sống từ năm 2021 cho đến nay. Đồng thời, chị N và anh T đã cố gắng hòa giải nhiều lần nhưng anh T không thay đổi. Nay, chị N

không thể chấp nhận được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị N được ly hôn anh T.

Anh T cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn vợ chồng như chị N đã trình bày nên chị N yêu cầu ly hôn thì anh T đồng ý.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Mục đích của hôn nhân là việc vợ chồng yêu thương nhau, cùng chăm lo cho gia đình và có cuộc sống hạnh phúc nhưng chị N và anh T đã không còn chung sống vợ chồng với nhau, mâu thuẫn vợ chồng xảy ra trong thời gian dài. Anh T thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng không có hành động để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, níu kéo hạnh phúc vợ chồng, không có thiện chí đoàn tụ gia đình với chị N. Xét thấy, cuộc sống hôn nhân giữa chị N và anh T đã rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị N yêu cầu được ly hôn với anh T là có cơ sở, phù hợp với căn cứ cho ly hôn tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Chị N và anh T có 03 (ba) con chung là Lê Tú Cẩm L, sinh ngày: 12/02/2003; Lê Anh V, sinh ngày: 23/02/2004 và Lê Anh T1, sinh ngày: 10/03/2017. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T1 và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu T1. Đối với Lê Tú Cẩm L và Lê Anh V đã trưởng thành và đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên chị N không yêu cầu giải quyết. Anh T cũng đồng ý với ý kiến của chị N về con chung. Hội đồng xét xử nhận thấy: Các bên đã thống nhất về việc nuôi con chung sau khi ly hôn, việc thỏa thuận này cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung khi bố mẹ ly hôn nên căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần ghi nhận sự thỏa thuận về quyền nuôi con của các đương sự.

[2.3]. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[2.4]. Về nợ chung: Không có.

[3] Về án phí: Chị N phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0000012 ngày 27/12/2023 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Khánh Sơn.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ các Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 207, khoản 1 Điều 227 khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 28, 35, 37, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng N được ly hôn anh Lê Minh T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 16 do UBND xã N, huyện N (nay là thị xã N), tỉnh Khánh Hòa cấp 08/5/2006 không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Anh T1, sinh ngày: 10/03/2017 cho chị Nguyễn Thị Hồng N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng N phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000012 ngày 27/12/2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Khánh Sơn.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Khánh Sơn;
- Chi cục THA dân sự huyện Khánh Sơn;
- UBND xã Ninh Trung, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa (Số 16 ngày 08/5/2006);
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Hoàng Đạt**